

Số: /BC-UBND Tủa Chùa, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSDP 6 tháng đầu năm;
nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu chi 6 tháng cuối năm 2021**
(Trình Kỳ họp thứ 2, HĐND huyện khóa XXI)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 09/02/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-UBND ngày 21/12/2018 của HĐND huyện Tủa Chùa về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2019-2020 trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Tủa Chùa về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Tủa Chùa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021.

UBND huyện Tủa Chùa báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 6 tháng cuối năm 2021, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

A. THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 30/6/2021: 275.874.162.825 đồng, trong đó ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 275.178.067.563 đồng, đạt 64% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 87%, cụ thể như sau:

I. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện đến ngày 30/6/2021: 5.636.570.916 đồng, đạt 43% dự toán tỉnh giao và đạt 41% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 84%.

Chi tiết các khoản thu như sau:

1. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh: Thực hiện 2.242.559.970 đồng, đạt 26% dự toán tỉnh giao và đạt 24% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 79%.

2. Lệ phí trước bạ: Thực hiện 1.324.399.309 đồng, đạt 102% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 42%.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 18.491.622 đồng.

4. Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 570.812.849 đồng, đạt 57% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 66%.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 29.691.500 đồng, đạt 59% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao.

6. Phí và lệ phí: Thực hiện 381.364.817 đồng, đạt 54% dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 27%.

7. Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 346.591.800 đồng, đạt 69% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 34%.

8. Thu khác ngân sách: Thực hiện 722.659.049 đồng, đạt 96% dự toán tỉnh giao và đạt 89% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 99%.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh thực hiện 226.987.000.000 đồng, đạt 54% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 95%, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: Thực hiện 226.000.000.000 đồng, đạt 54% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 23%.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 987.000.000, đạt 5.195% dự toán tỉnh và HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 2%.

III. Thu chuyển nguồn ngân sách

Thực hiện 43.250.591.909 đồng, so với năm 2020 bằng 62%, trong đó:

- **Thu chuyển nguồn ngân sách huyện:** Thực hiện 41.675.759.386 đồng, bao gồm: Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công 21.904.260.692 đồng; Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội 1.831.219.358 đồng; Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan Nhà nước 1.231.908 đồng; Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc 10.969.692.522 đồng; Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách Nhà nước 1.963.670.499 đồng; Kinh phí khác theo quy định của pháp luật 5.005.684.407 đồng.

- **Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã:** Thực hiện 1.574.832.523 đồng, trong đó: Kinh phí giao tự chủ 1.359.888.774 đồng; Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội

94.711.748 đồng; Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách Nhà nước 120.232.001 đồng.

(chi tiết tại phụ biểu số 01 đính kèm)

B. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 30/6/2021: 219.820.826.406 đồng, đạt 51% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 95%.

Chi tiết các khoản chi như sau:

I. Chi cân đối ngân sách địa phương

Thực hiện 215.208.122.406 đồng, đạt 50% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 36%, trong đó:

1. Chi đầu tư: Thực hiện 1.035.000.000 đồng, đạt 6% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 42% .

2. Chi thường xuyên: Thực hiện 214.173.122.406 đồng, đạt 53% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 36%, cụ thể các lĩnh vực chi như sau:

- Chi quốc phòng: Thực hiện 4.226.497.657 đồng, đạt 72% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 49%.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: Thực hiện 1.046.798.429 đồng, đạt 80% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 26%.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Thực hiện 136.547.837.966 đồng, đạt 55% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 40%.

- Chi sự nghiệp Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình: Thực hiện 1.885.215.516 đồng, đạt 44% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 88%.

- Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện 69.720.000 đồng, đạt 3% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 50%.

- Chi đảm bảo xã hội: Thực hiện 5.293.581.143 đồng, đạt 52% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 63%.

- Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 17.276.184.299 đồng, đạt 42% so với dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 22%.

- Chi quản lý hành chính: Thực hiện 47.527.287.396 đồng, đạt 53% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 52%.

- Chi hỗ trợ các đơn vị: Thực hiện 300.000.000 đồng, đạt 90% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 100%.

3. Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn: Chưa thực hiện.

4. Dự phòng ngân sách (không cộng lên tổng): Thực hiện tạm ứng cho các đơn vị để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19; Kinh phí tiêm phòng, phun

phòng bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Tủa Chùa 2.560.000.000 đồng, đạt 34% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 53%.

5. Chi khác ngân sách (*không cộng lên tổng*): Thực hiện 2.644.000.000 đồng, bổ sung cho các đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh, đạt 100% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 tăng 231%.

II. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (*kinh phí chuyển nguồn năm 2020 chuyển sang năm 2021*): Thực hiện 4.612.704.000 đồng.

(*chi tiết theo phụ biểu số 02 đính kèm*)

III. Chi thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: Chưa thực hiện.

C. THU - CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Thu ngân sách Nhà nước: Tổng thu ngân sách cấp xã thực hiện đến ngày 30/6/2021: 35.838.779.704 đồng, đạt 54% dự toán HĐND huyện giao, trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn thực hiện 206.160.181 đồng, đạt 36% dự toán giao; thu bổ sung ngân sách cấp trên 34.057.787.000 đồng, đạt 52% dự toán giao; thu chuyển nguồn ngân sách 1.574.832.523 đồng; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 44%.

2. Chi ngân sách Nhà nước: Tổng chi ngân sách cấp xã thực hiện đến ngày 30/6/2021: 28.316.838.471 đồng, đạt 43% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 42%.

3. Chi tiết thu, chi ngân sách cấp xã

3.1. UBND thị trấn Tủa Chùa

- Thu ngân sách: Thực hiện 4.022.345.116 đồng, đạt 52% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 115.345.115 đồng, đạt 43% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 80% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.826.436.120 đồng, đạt 37% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 71%.

3.2. UBND xã Mường Báng

- Thu ngân sách: Thực hiện 3.980.744.964 đồng, đạt 62% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 8.486.000 đồng, đạt 28% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 61% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 3.291.331.268 đồng, đạt 51% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 63%.

3.3. UBND xã Xá Nhè

- Thu ngân sách: Thực hiện 3.197.143.779 đồng, đạt 49% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 23.481.175 đồng, đạt 47% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 46%.

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.385.267.274 đồng, đạt 37% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 25%.

3.4. UBND xã Mường Đun

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.535.012.450 đồng, đạt 50% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 6.975.950 đồng, đạt 32% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 41% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.335.465.178 đồng, đạt 46% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 44%.

3.5. UBND xã Tủa Thành

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.875.361.680 đồng, đạt 52% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn chưa thực hiện; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 41%.

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.329.351.851 đồng, đạt 42% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 38%.

3.6. UBND xã Huổi Sớ

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.444.175.235 đồng, đạt 52% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 6.000.000 đồng, đạt 27% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 33% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.053.022.061 đồng, đạt 43% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 34%.

3.7. UBND xã Sính Phình

- Thu ngân sách: Thực hiện 3.742.892.589 đồng, đạt 64% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 1.000.000 đồng, đạt 4% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 30% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.402.376.323 đồng, đạt 41% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 36%.

3.8. UBND xã Tả Phìn

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.819.116.500 đồng, đạt 53% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 5.000.000 đồng, đạt 23% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 47% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.184.473.224 đồng, đạt 41% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 42%.

3.9. UBND xã Trung Thu

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.527.472.225 đồng, đạt 53% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 16.121.941 đồng, đạt 81% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 36% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.023.313.791 đồng, đạt 43% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 32%.

3.10. UBND xã Tả Sìn Thành

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.626.403.620 đồng, đạt 53% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 14.400.000 đồng, đạt 29% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 43% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.282.873.857 đồng, đạt 47% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 60%.

3.11. UBND xã Lao Xả Phình

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.280.752.989 đồng, đạt 51% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 2.000.000 đồng, đạt 10% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 48% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 1.854.720.052 đồng, đạt 41% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 45%.

3.12. UBND xã Sín Chải

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.787.358.557 đồng, đạt 53% dự toán HĐND huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 7.350.000 đồng, đạt 27% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 42% .

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.348.207.472 đồng, đạt 45% dự toán HĐND huyện giao; so cùng kỳ năm 2020 bằng 43%.

(chi tiết theo phụ lục biểu số 03, 04 đính kèm)

D. VỀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

Tình hình quyết toán ngân sách năm đối với các đơn vị dự toán và quyết toán ngân sách huyện cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định hiện hành. Tuy nhiên, trong công tác quyết toán ngân sách còn một số những tồn tại, hạn chế: Một số đơn vị dự toán và UBND các xã, thị trấn nộp báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm còn chậm theo quy định, ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương chung của toàn huyện. Một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao làm nhiệm vụ chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư các công trình, dự án thực hiện giải ngân thanh toán vốn còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ theo quy định; việc lập hồ sơ quyết toán một số công trình đã hoàn thành còn chậm, báo cáo quyết toán chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

E. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

- Kết quả thu ngân sách trên địa bàn thực hiện đến ngày 30/6/2021: 5.636.570.916 đồng, đạt 43% dự toán tỉnh giao và đạt 41% dự toán HĐND huyện giao; so với cùng kỳ năm 2020 bằng 84%.

- Công tác quản lý, điều hành ngân sách thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành. Căn cứ Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và dự toán ngân sách tỉnh giao, UBND huyện thực

hiện phân bổ giao dự toán thu ngân sách cho các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định trên cơ sở dự toán xây dựng đã lập. Các khoản thu cơ bản sát với tình hình thực tế nguồn thu trên địa bàn huyện. Tuy nhiên do tác động từ đại dịch Covid-19 làm ảnh hưởng tất cả mọi lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.... dẫn đến ảnh hưởng công tác thu ngân sách gặp nhiều khó khăn.

- UBND huyện đã chỉ đạo Ban Chỉ đạo chống thất thu và đôn đốc thu nộp ngân sách huyện, Chi cục Thuế khu vực và các đơn vị liên quan quan tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích các chế độ chính sách thuế đến các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn về thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và các văn bản hướng dẫn; quản lý tốt các nguồn thu, tổ chức quản lý thu chặt chẽ các khoản thuế phát sinh.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách: Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 đã cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo.

3. Về công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2021

- Để thực hiện tốt các quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương và chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021, trên cơ sở Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Điện Biên, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 về việc ban hành Quy định về quản lý, điều hành ngân sách năm 2021 trên địa bàn huyện; chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện, bám sát dự toán ngân sách đã được giao chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ chi đáp ứng kịp thời những nhiệm vụ cần thiết, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cân đối các khoản chi cho phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị, cắt giảm những khoản chi chưa thực sự cần thiết.

- Năm 2021, trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, UBND huyện đã chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện bổ sung cho các đơn vị khẩn trương thực hiện công tác phòng, chống dịch theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- Một số nhiệm vụ chi phát sinh như nguồn vốn giao đầu năm nhưng chưa phân bổ chi tiết, nguồn vốn tỉnh giao bổ sung..., UBND huyện đã xin ý kiến của Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, thống nhất với Thường trực HĐND huyện phân bổ, giao chi tiết cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

4. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

4.1. Tồn tại, hạn chế

- Một số khoản thu đạt thấp như: Thuế giá trị gia tăng đạt 24% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND huyện giao, thuế tài nguyên đạt 25% dự toán tỉnh giao và đạt 21% dự toán HĐND huyện giao.

- Kết quả thực hiện giao thu ngân sách của một số đơn vị đến 30/6/2021 còn chưa thực hiện như UBND xã Tủa Thành , Phòng Kinh tế và Hạ tầng; một số đơn vị giao thu đạt thấp như UBND xã: Mường Báng đạt 28%, Mường Đun đạt 32%, Huổi Sô 27%, Lao Xả Phình đạt 10%, Tả Sìn Thành 29%, Tả Phìn 23%, Sính Phình đạt 4%, Sín Chải đạt 27%.

- Công tác quyết toán dự án hoàn thành của một số đơn vị vẫn còn một số dự án còn chậm chưa nộp báo cáo về cơ quan tài chính để thẩm tra, phê duyệt quyết toán 39 dự án, chi tiết tại phụ biểu số 06 đính kèm.

- Công tác giải ngân thực hiện một số nguồn vốn còn chậm như: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước; kinh phí chi sự nghiệp môi trường; kinh phí miễn giảm thủy lợi phí; vốn dự phòng ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, chi tiết tại phụ biểu số 02; 07 đính kèm.

4.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

+ Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên một số doanh nghiệp không có việc làm, hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ ảnh hưởng nhiều đến việc thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn như: Thuế VAT, thuế thu nhập cá nhân...tình hình thời tiết nắng nóng, khô hạn kéo dài dẫn đến lượng nước về nhà máy thủy điện Trung Thu đạt thấp nên doanh nghiệp chưa nộp khoản thuế tài nguyên vào ngân sách.

+ Việc phân bổ dự toán chi ngân sách của một số nguồn vốn còn chậm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

+ Biến đổi khí hậu với xu hướng ngày gia tăng, diễn biến bất thường cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thi công của các loại công trình hạ tầng cơ sở.

+ Một số dự án khởi công mới được bố trí kế hoạch vốn nhưng đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Do ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của một số doanh nghiệp còn hạn chế.

+ Các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư còn thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động, chưa chú trọng triển khai thực hiện các công trình dự án đến công tác quyết toán dự án hoàn thành.

+ Khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn chủ yếu do Trung ương và tỉnh cấp, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

+ Một số cơ quan đơn vị, UBND các xã chưa chủ động, quyết liệt, chưa quan tâm sát sao đến công tác thu chi ngân sách; công tác quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị theo quy định.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN THU, CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Dự toán thu năm 2021 giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn là mức tối thiểu; căn cứ vào kết quả tình hình phát triển trên địa bàn các xã, thị trấn và kết quả thu ngân sách năm 2021 và các chế độ, chính sách hiện hành, phân đầu khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu ngân sách, đảm bảo mức phân đầu cao hơn dự toán thu ngân sách được HĐND huyện giao. Trước mắt cần tập trung, chỉ đạo một số nhiệm vụ sau:

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thu căn cứ phân cấp nguồn thu theo quy định và chỉ tiêu dự toán thu giao 2021, tiến hành tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2021, làm rõ những tồn tại, nguyên nhân để đề ra những giải pháp tích cực, tăng cường công tác quản lý, điều hành thu, tổ chức thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo chính sách, pháp luật thuế, nhằm đảm bảo thực hiện vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách được HĐND huyện giao năm 2021.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật về thuế và văn bản hướng dẫn Chính phủ, bộ ngành liên quan. Đồng thời tổ chức thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thu theo chính sách, pháp luật thuế mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung.

- Ban Chỉ đạo chống thất thu và đôn đốc thu nộp ngân sách huyện, Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, trốn lậu thuế..., kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; đôn đốc các cơ quan, đơn vị thu hồi kịp thời các khoản thu theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Tiến hành rà soát đánh giá lại các khoản thu, làm rõ những khoản thuế còn thất thu, các nguồn thu mới đưa vào quản lý, xử lý các khoản nợ đọng theo quy định của pháp luật, tích cực phối hợp với các cơ quan tổng hợp, các cơ quan trong hệ thống, các chủ đầu tư để nắm bắt tình hình thanh toán của các doanh nghiệp, có biện pháp thu nợ kịp thời và xử lý dứt điểm các khoản nợ thuế, nợ khó thu, nợ chờ xử lý. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao sự hiểu biết và tính tuân thủ, tự giác trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thuế.

- Tăng cường công tác quản lý tài sản công, quản lý sử dụng đất từ khâu quy hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... để quản lý và thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2021 để tăng nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý, theo dõi các hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng để tăng nguồn thu từ thuế tài nguyên.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa trong công tác quản lý thu thuế; chỉ đạo quản lý thu thuế đối với công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác; chống thất thu qua giá và gian lận thương mại trên địa bàn; thực hiện các biện pháp cưỡng chế thu nợ thuế đối với các tổ chức, cá nhân.

- Chi đạo UBND các xã, thị trấn, Hội đồng tư vấn thuế phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong công tác quản lý người nộp thuế, quản lý doanh thu, mức thuế của người nộp thuế nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất thu về hộ kinh doanh, về thu tính thuế, đảm bảo công bằng về thuế.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện tiếp tục đôn đốc, thu nộp kịp thời các khoản thu hồi theo biên bản kiểm tra xét duyệt quyết toán hằng năm.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các nguồn vốn đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Thực hiện các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh thuận lợi và hiệu quả.

- Đối với khoản nợ thuế: Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai Nghị quyết số 94/2019/QH14; Thực hiện tập trung rà soát, phân loại đối tượng và các khoản tiền nợ, tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp làm cơ sở đôn đốc thu tiền thuế nợ.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

1. Nhiệm vụ chi đầu tư

- Thực hiện Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, chỉ thực hiện chi đầu tư theo kế hoạch vốn được giao, danh mục đầu tư được duyệt và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021, giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025. Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, việc phân bổ vốn thực hiện theo đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công và phân theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tập trung phân bổ vốn cho các công trình dự án tiếp chi, các công trình đã có khối lượng để tránh nợ đọng khối lượng XDCB, hạn chế phân bổ nguồn cho các công trình khởi công mới.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng các công trình, đôn đốc các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư, nhà thầu, kịp thời tháo gỡ những khó khăn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công và giải ngân các dự án đảm bảo đúng kế hoạch.

- Tăng cường chỉ đạo các chủ đầu tư quan tâm đến việc hoàn thiện các thủ tục hoàn ứng theo quy định; các chủ đầu tư không tích cực trong quyết toán các dự án hoàn thành, yêu cầu các đơn vị chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện công tác quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ chi thường xuyên

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện dự toán chi đúng chế độ chính sách trên tinh thần tiết kiệm, thực hiện các mục tiêu kiềm chế lạm phát, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong chi tiêu công quỹ, kiểm soát chi chặt chẽ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Căn cứ dự toán HĐND huyện giao, các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, nâng cao hiệu quả tiết kiệm chi ngân sách.

- Đối với chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định hiện hành.

- Giảm tối đa tổ chức các hoạt động không cần thiết, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, thực hiện công khai trong mua sắm, đầu tư, công khai trong quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đối với kinh phí dự phòng ngân sách đã được UBND huyện giao, các xã, thị trấn chủ động thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện tốt việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 ở các cấp ngân sách và tất cả các đơn vị dự toán theo đúng quy định về thời gian, nội dung của Nhà nước đã ban hành.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đối với các đơn vị dự toán.

- Các đơn vị dự toán chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 6 tháng cuối năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- LĐ. UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Tuyết Ban

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG NĂM 2021
(kèm theo Báo cáo số 221 /BC-UBND ngày 16/7 /2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện 30/6/2020	Thực hiện đến 30//6/2021	So sánh (%)		
						Tỷ lệ thực hiện 30/6 so với dự toán giao		TH/Cùng kỳ 2020
						Thực hiện/Tính giao	Thực hiện/huyện giao	
A	B	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	431.680.000.000	432.280.000.000	316.323.348.667	275.874.162.825	64%	64%	87%
	THU NGÂN SÁCH ĐP HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	430.680.000.000	431.280.000.000	315.910.072.393	275.178.067.563	64%	64%	87%
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.000.000.000	13.600.000.000	6.699.433.827	5.636.570.916	43%	41%	84%
-	<i>Thu ngân sách huyện, xã hưởng</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>12.600.000.000</i>	<i>6.286.157.553</i>	<i>4.940.475.654</i>	<i>41%</i>	<i>39%</i>	<i>79%</i>
+	<i>Ngân sách huyện hưởng</i>	<i>11.420.000.000</i>	<i>12.020.000.000</i>	<i>5.884.085.032</i>	<i>4.734.315.473</i>	<i>41%</i>	<i>39%</i>	<i>80%</i>
+	<i>Ngân sách xã hưởng</i>	<i>580.000.000</i>	<i>580.000.000</i>	<i>402.072.521</i>	<i>206.160.181</i>	<i>36%</i>	<i>36%</i>	<i>51%</i>
-	<i>Ngân sách Trung ương hưởng</i>	<i>550.000.000</i>	<i>550.000.000</i>	<i>229.533.114</i>	<i>456.935.662</i>	<i>83%</i>	<i>83%</i>	<i>199%</i>
-	<i>Ngân sách Tỉnh hưởng</i>	<i>450.000.000</i>	<i>450.000.000</i>	<i>183.743.160</i>	<i>239.159.600</i>	<i>53%</i>	<i>53%</i>	<i>130%</i>
1	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.700.000.000	9.240.000.000	2.850.386.877	2.242.559.970	26%	24%	79%
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>5.950.000.000</i>	<i>6.040.000.000</i>	<i>2.225.920.942</i>	<i>1.436.919.584</i>	<i>24%</i>	<i>24%</i>	<i>65%</i>
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>	<i>146.327.098</i>	<i>167.254.878</i>	<i>84%</i>	<i>84%</i>	<i>114%</i>
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>2.550.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>478.138.837</i>	<i>638.385.508</i>	<i>25%</i>	<i>21%</i>	<i>134%</i>
2	Lệ phí trước bạ	1.300.000.000	1.300.000.000	932.614.045	1.324.399.309	102%	102%	142%
-	<i>Ngân sách huyện hưởng</i>	<i>1.210.000.000</i>	<i>1.210.000.000</i>	<i>851.075.664</i>	<i>1.282.855.750</i>	<i>106%</i>	<i>106%</i>	<i>151%</i>
-	<i>Ngân sách xã hưởng</i>	<i>90.000.000</i>	<i>90.000.000</i>	<i>81.538.381</i>	<i>41.543.559</i>	<i>46%</i>	<i>46%</i>	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			85.140	18.491.622			
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.000.000.000	1.000.000.000	870.971.993	570.812.849	57%	57%	66%
5	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000.000	50.000.000		29.691.500	59%	59%	

6	Thu phí, lệ phí	700.000.000	700.000.000	300.440.109	381.364.817	54%	54%	127%
-	Ngân sách TW hưởng			2.250.000	44.901.900			1996%
-	Ngân sách huyện hưởng	210.000.000	210.000.000	161.395.109	226.287.917	108%	108%	140%
-	Ngân sách xã hưởng	490.000.000	490.000.000	136.795.000	110.175.000	22%	22%	81%
7	Thu tiền sử dụng đất	500.000.000	500.000.000	1.015.543.160	346.591.800	69%	69%	34%
+	Ngân sách Tỉnh hưởng	450.000.000	450.000.000	183.743.160	239.159.600	53%	53%	130%
+	Ngân sách Huyện hưởng	50.000.000	50.000.000	676.200.000	107.432.200	215%	215%	16%
+	Ngân sách Xã hưởng			155.600.000				0%
8	Thu khác ngân sách	750.000.000	810.000.000	729.392.503	722.659.049	96%	89%	99%
-	Thu ngân sách trung ương hưởng	550.000.000	550.000.000	227.283.114	412.033.762	75%	75%	181%
-	Thu ngân sách huyện hưởng	200.000.000	260.000.000	474.055.389	274.675.287	137%	106%	58%
-	Thu ngân sách xã hưởng			28.054.000	35.950.000			128%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	418.680.000.000	418.680.000.000	240.000.000.000	226.987.000.000	54%	54%	95%
1	Thu bổ sung cân đối	418.661.000.000	418.661.000.000	183.000.000.000	226.000.000.000	54%	54%	123%
2	Thu bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ khác	19.000.000	19.000.000	57.000.000.000	987.000.000	5195%	5195%	2%
III	Thu chuyển nguồn ngân sách			69.623.914.840	43.250.591.909			62%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 06 THÁNG NĂM 2021
(kèm theo Báo cáo số 221 /BC-UBND ngày 16/7 /2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện 30/6/2020	Thực hiện đến 30/6/2021	Tỷ lệ so sánh	
					TH/DT	TH/ Năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	431.280.000.000	230.290.399.556	219.820.826.406	51%	95%
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	431.261.000.000	158.068.027.556	215.208.122.406	50%	136%
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	16.698.000.000	730.336.515	1.035.000.000	6%	142%
-	Chi đầu tư XD CB vốn trong nước	16.653.000.000		1.035.000.000	6%	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	45.000.000	730.336.515		0%	0%
2	Chi thường xuyên	403.831.000.000	157.337.691.041	214.173.122.406	53%	136%
-	Chi quốc phòng	5.875.500.000	2.835.650.105	4.226.497.657	72%	149%
-	Chi an ninh	1.316.000.000	832.887.518	1.046.798.429	80%	126%
-	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	249.156.800.000	97.445.973.945	136.547.837.966	55%	140%
-	Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	4.313.400.000	2.144.409.615	1.885.215.516	44%	88%
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.000.000.000	46.440.000	69.720.000	3%	150%
-	Chi đảm bảo xã hội	10.263.400.000	8.369.183.694	5.293.581.143	52%	63%
-	Chi sự nghiệp kinh tế	41.580.400.000	14.122.424.685	17.276.184.299	42%	122%
-	Chi quản lý hành chính	88.990.500.000	31.240.721.479	47.527.287.396	53%	152%
-	Hỗ trợ các đơn vị (Chi cục thi hành án; Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH)	335.000.000	300.000.000	300.000.000	90%	100%
3	Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn	600.000.000			0%	
4	Dự phòng ngân sách (không cộng lên tổng số TH)	7.488.000.000	4.874.046.350	2.560.000.000	34%	53%
5	Chi khác ngân sách (không cộng lên tổng số TH)	2.644.000.000	800.000.000	2.644.000.000	100%	331%
II	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	-	70.104.249.000	4.612.704.000		7%

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện 30/6/2020	Thực hiện đến 30/6/2021	Tỷ lệ so sánh	
					TH/DT	TH/ Năm trước
1	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	-	47.946.249.000	4.612.704.000		10%
1.1	VỐN ĐẦU TƯ	-	47.946.249.000	4.612.704.000		10%
1.1.1	CHƯƠNG TRÌNH 30A	-	40.928.445.000	4.612.704.000		11%
	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng</i>		40.928.445.000	4.612.704.000		11%
1.1.2	CHƯƠNG TRÌNH 135	-	7.017.804.000	-		0%
	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng</i>		7.017.804.000			0%
2	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	-	22.158.000.000	-		0%
2.1	VỐN ĐẦU TƯ	-	22.158.000.000	-		0%
	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng</i>		22.158.000.000			0%
II	CHI THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC	19.000.000	2.118.123.000	-		0%
1	BỔ SUNG MỤC TIÊU (VỐN ĐẦU TƯ)	-	2.078.123.000	-		0%
	<i>Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư</i>		2.078.123.000			0%
2	BỔ SUNG MỤC TIÊU (VỐN SỰ NGHIỆP)	19.000.000	40.000.000	-		0%
2.1	CHƯƠNG TRÌNH ĐẢM BẢO TRẬT TỰ ATGT, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ MA TUÝ	19.000.000		-		
-	Kinh phí thực hiện đảm bảo trật tự ATGT	19.000.000				
2.2	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÒNG CHỐNG GIẢM NHẸ THIÊN TAI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ		40.000.000			0%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 06 THÁNG NĂM 2021 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(kèm theo Báo cáo số 221 /BC-UBND ngày 16/7 /2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2021			Thực hiện 30/6/2020			Thực hiện đến 30/6/2021			So sánh (%) TH/DT			So sánh (%) TH/CK				
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm			
			Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		Thu chuyển nguồn ngân sách	Thu trên địa bàn		Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn ngân sách		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=8/1	13=9/2	14=10/3	15=8/4	16=9/5	17=10/6
	Tổng số	66.622.820.000	580.000.000	66.042.820.000	82.299.946.703	402.072.521	78.198.050.751	3.699.823.431	35.838.779.704	206.160.181	34.057.787.000	1.574.832.523	54%	36%	52%	44%	51%	44%
1	UBND Thị trấn	7.765.360.000	270.000.000	7.495.360.000	5.000.000.000	313.993.618	4.100.000.000	586.006.382	4.022.345.116	115.345.115	3.900.000.000	7.000.001	52%	43%	52%	80%	37%	95%
2	UBND xã Mường Báng	6.433.860.000	30.000.000	6.403.860.000	6.571.480.668	7.561.907	6.479.077.678	84.841.083	3.980.744.964	8.486.000	3.965.000.000	7.258.964	62%	28%	62%	61%	112%	61%
3	UBND xã Xá Nhè	6.484.860.000	50.000.000	6.434.860.000	6.998.460.137	7.327.699	6.971.399.334	19.733.104	3.197.143.779	23.481.175	3.137.550.000	36.112.604	49%	47%	49%	46%	320%	45%
4	UBND xã Mường Đùn	5.028.060.000	22.000.000	5.006.060.000	6.171.167.545	6.000.000	5.897.000.000	268.167.545	2.535.012.450	6.975.950	2.519.405.000	8.631.500	50%	32%	50%	41%	116%	43%
5	UBND xã Tủa Thàng	5.537.360.000	22.000.000	5.515.360.000	7.005.679.736	7.969.297	6.971.399.334	26.311.105	2.875.361.680		2.822.620.000	52.741.680	52%	0%	51%	41%	0%	40%
6	UBND xã Huổi Sớ	4.699.560.000	22.000.000	4.677.560.000	7.484.129.347	6.000.000	7.122.234.152	355.895.195	2.444.175.235	6.000.000	2.293.212.000	144.963.235	52%	27%	49%	33%	100%	32%
7	UBND xã Sính Phình	5.866.860.000	25.000.000	5.841.860.000	12.619.279.707	6.500.000	11.930.000.000	682.779.707	3.742.892.589	1.000.000	3.120.000.000	621.892.589	64%	4%	53%	30%	15%	26%
8	UBND xã Tả Phìn	5.315.760.000	22.000.000	5.293.760.000	6.033.841.512	5.000.000	5.399.000.000	629.841.512	2.819.116.500	5.000.000	2.800.000.000	14.116.500	53%	23%	53%	47%	100%	52%
9	UBND xã Trung Thu	4.765.460.000	20.000.000	4.745.460.000	6.988.717.548	3.900.000	6.813.113.785	171.703.763	2.527.472.225	16.121.941	2.500.000.000	11.350.284	53%	81%	53%	36%	413%	37%
10	UBND xã Tả Sin Thàng	4.956.660.000	50.000.000	4.906.660.000	6.103.160.392	19.310.000	5.774.580.196	309.270.196	2.626.403.620	14.400.000	2.500.000.000	112.003.620	53%	29%	51%	43%	75%	43%
11	UBND xã Lao Xá Phình	4.499.360.000	20.000.000	4.479.360.000	4.749.787.572	11.200.000	4.540.246.272	198.341.300	2.280.752.989	2.000.000	2.000.000.000	278.752.989	51%	10%	45%	48%	18%	44%
12	UBND xã Sín Chải	5.269.660.000	27.000.000	5.242.660.000	6.574.242.539	7.310.000	6.200.000.000	366.932.539	2.787.358.557	7.350.000	2.500.000.000	280.008.557	53%	27%	48%	42%	101%	40%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 06 THÁNG NĂM 2021 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(kèm theo Báo cáo số 221 /BC-UBND ngày 16/7 /2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2021			Thực hiện 30/6/2020			Thực hiện đến 30/6/2021			So sánh (%) TH/DT			So sánh (%) TH/CK		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Các khoản chi cân đối	Các khoản chi bổ sung có mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Các khoản chi bổ sung có mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Các khoản chi bổ sung có mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Các khoản chi bổ sung có mục tiêu
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	8=7/1	9=8/2	10=9/3	11=7/4	12=8/5	13=9/6
	Tổng số	66.502.820.000	66.042.820.000	460.000.000	67.811.509.024	32.374.311.356	35.437.197.668	28.316.838.471	28.119.653.471	197.185.000	43%	43%	43%	42%	87%	1%
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	7.569.330.000	7.495.360.000	73.970.000	4.000.000.000	4.000.000.000		2.826.436.120	2.826.436.120		37%	38%	0%	71%	71%	
2	UBND xã Mường Báng	6.478.535.000	6.403.860.000	74.675.000	5.254.765.570	3.000.000.000	2.254.765.570	3.291.331.268	3.291.331.268		51%	51%	0%	63%	110%	0%
3	UBND xã Xá Nhè	6.496.200.000	6.434.860.000	61.340.000	9.586.519.952	3.243.610.952	6.342.909.000	2.385.267.274	2.385.267.274		37%	37%	0%	25%	74%	0%
4	UBND xã Mường Đùn	5.075.705.000	5.006.060.000	69.645.000	5.280.860.024	3.227.404.283	2.053.455.741	2.335.465.178	2.268.035.178	67.430.000	46%	45%	97%	44%	70%	3%
5	UBND xã Tủa Thàng	5.587.980.000	5.515.360.000	72.620.000	6.086.874.351	2.326.221.351	3.760.653.000	2.329.351.851	2.257.341.851	72.010.000	42%	41%	99%	38%	97%	2%
6	UBND xã Huổi Sỏ	4.750.180.000	4.677.560.000	72.620.000	6.094.055.398	2.190.642.398	3.903.413.000	2.053.022.061	1.995.277.061	57.745.000	43%	43%	80%	34%	91%	1%
7	UBND xã Sính Phình	5.876.990.000	5.841.860.000	35.130.000	6.654.316.732	2.770.276.732	3.884.040.000	2.402.376.323	2.402.376.323		41%	41%	0%	36%	87%	0%
8	UBND xã Tà Phìn	5.293.760.000	5.293.760.000		5.146.064.800	3.366.064.800	1.780.000.000	2.184.473.224	2.184.473.224		41%	41%		42%	65%	0%
9	UBND xã Trung Thu	4.745.460.000	4.745.460.000		6.291.650.094	2.047.468.294	4.244.181.800	2.023.313.791	2.023.313.791		43%	43%		32%	99%	0%
10	UBND xã Tà Sin Thàng	4.906.660.000	4.906.660.000		3.799.348.431	1.927.473.846	1.871.874.585	2.282.873.857	2.282.873.857		47%	47%		60%	118%	0%
11	UBND xã Lao Xá Phình	4.479.360.000	4.479.360.000		4.117.053.672	1.775.148.700	2.341.904.972	1.854.720.052	1.854.720.052		41%	41%		45%	104%	0%
12	UBND xã Sin Chải	5.242.660.000	5.242.660.000		5.500.000.000	2.500.000.000	3.000.000.000	2.348.207.472	2.348.207.472		45%	45%		43%	94%	0%

TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH CỦA CÁC ĐƠN VỊ, UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021

(kèm theo Báo cáo số 221 /BC-UBND ngày 16/7 /2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN GIAO	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2021	Tỷ lệ TH/DT
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	200.000.000	264.628.000	132%
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.000.000	-	0%
	Lệ phí xây dựng	2.000.000		0%
3	Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	50.000.000	34.400.000	69%
-	Thuê nhà thi đấu	25.000.000	14.400.000	58%
-	Thuê nhà hội trường	5.000.000		0%
-	Các khoản phí	20.000.000	20.000.000	100%
4	Trung tâm Quản lý đất đai	15.000.000	6.660.000	44%
	Thu cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn	15.000.000	6.660.000	44%
5	Công an huyện	200.000.000	246.628.000	123%
	Phí an toàn giao thông	200.000.000	246.628.000	123%
6	UBND Thị trấn	270.000.000	115.345.115	43%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	270.000.000	115.345.115	43%
7	UBND xã Mường Báng	30.000.000	8.486.000	28%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	30.000.000	8.486.000	28%
8	UBND xã Xá Nhè	50.000.000	23.481.175	47%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50.000.000	23.481.175	47%
9	UBND xã Mường Đun	22.000.000	6.975.950	32%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22.000.000	6.975.950	32%
10	UBND xã Tủa Thành	22.000.000	-	0%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22.000.000		0%
11	UBND xã Huổi Sớ	22.000.000	6.000.000	27%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22.000.000	6.000.000	27%
12	UBND xã Lao Xả Phình	20.000.000	2.000.000	10%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20.000.000	2.000.000	10%
13	UBND xã Tả Sìn Thành	50.000.000	14.400.000	29%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50.000.000	14.400.000	29%
14	UBND xã Tả Phìn	22.000.000	5.000.000	23%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22.000.000	5.000.000	23%
15	UBND xã Sính Phình	25.000.000	1.000.000	4%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	25.000.000	1.000.000	4%
16	UBND xã Trung Thu	20.000.000	16.121.941	81%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20.000.000	16.121.941	81%
17	UBND xã Sín Chải	27.000.000	7.350.000	27%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	27.000.000	7.350.000	27%
	TỔNG CỘNG	1.047.000.000	758.476.181	72%

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯA GỬI HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

(kèm theo Báo cáo số 221 /BC-UBND ngày 16/7 /2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình (HMCT) hoàn thành	Số dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Chủ đầu tư thực hiện dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Lũy kế vốn đã cấp phát, thanh toán	Chậm phê duyệt quyết toán		Ghi chú
								Chậm dưới 24 tháng	Chậm trên 24 tháng	
TỔNG SỐ		39				55.068	52.581			
I	Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của cấp huyện	1				488	487			
1	Nâng cấp, cải tạo sân văn hóa truyền thống xã Xá Nhè		10/2017	12/2017	UBND xã Xá Nhè	488	487		X	
II	Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của cấp xã	38				54.580	52.094			
1	Nhà văn hóa xã Mường Đùn		26/11/2019	25/9/2020	UBND xã Mường Đùn	2.422	2.332	X		
2	Tuyến đường từ trung tâm xã đến thôn 1, xã Lao Xá Phình		18/9/2018	25/12/2019	UBND xã Lao Xá Phình	6.600	6.298		X	
3	Bê tông hóa đường trục thôn Tà Dê tuyến đường chính - Nhà ông Giảng A Lý, xã Tà Phìn		2017	2018	UBND xã Tà Phìn	3.000	2.954		X	
4	Nhà lớp học mầm non thôn Tủa Chừ Phùng, xã Tà Phìn		2017	2018	UBND xã Tà Phìn	606	552		X	
5	Đường trục thôn từ đường Chính vào thôn Háng Sung 2, xã Tà Phìn		2018	2018	UBND xã Tà Phìn	2.000	1.726		X	
6	Nhà Văn hóa thôn Háng Sung 1, xã Tà Phìn		2018	2018	UBND xã Tà Phìn	600	557		X	
7	Nhà Văn hóa thôn Tà Dê, xã Tà Phìn		2018	2019	UBND xã Tà Phìn	600	592	X		
8	Đường ngõ xóm từ nhà ông Cờ đến nhà ông Sinh, xã Huổi Sớ		2018	2019	UBND xã Huổi Sớ	2.000	1.756	X		
9	Đường nội đồng thôn Làng Vùa 2 tuyến nhà ông Phừ - cánh đồng Háng A nhà ông Súa, xã Tủa Thàng		2018	2019	UBND xã Tủa Thàng	1.026	994	X		
10	Bê tông hóa đường nội thôn Háng Pàng tuyến nhà Bà Hoa - Nhà ông Chu, xã Huổi Sớ		2018	2019	UBND xã Huổi Sớ	709	655	X		
11	Đường giao thông Đờ Khó Pàng đi Tà Mông Sưa, xã Sín Chải		2018	2019	UBND xã Sín Chải	2.377	2.229	X		
12	Đường dân sinh thôn Cáng Chua, xã Sín Chải		2018	2019	UBND xã Sín Chải	933	867	X		
13	Đường nội đồng thôn Háng Sung 1 tuyến Nhà ông Thảo A Sang - Chờ Tính, xã Tà Phìn		2018	2019	UBND xã Tà Phìn	788	749	X		
14	Nhà văn hóa thôn Háng Sung 2, xã Tà Phìn		2018	2019	UBND xã Tà Phìn	559	508	X		
15	Nhà Văn hóa Bàn Loọng Phạ, xã Mường Đùn		2018	2019	UBND xã Mường Đùn	600	546	X		
16	Nhà Văn hóa bản Kép, xã Mường Đùn		2018	2019	UBND xã Mường Đùn	600	599	X		
17	Đường nội thôn Bàn Đùn từ nhà ông Viên đến nhà ông Thìn, xã Mường Đùn		2018	2019	UBND xã Mường Đùn	600	574	X		
18	Thủy lợi đầu nguồn Háng Chu - Nhà ông Hạng A Giao (Đề Tàu), xã Mường Đùn		2018	2019	UBND xã Mường Đùn	500	432	X		
19	Thủy nông nối Mường Mẹo - Thẩm Đán (Bản Kép), xã Mường Đùn		2018	2019	UBND xã Mường Đùn	470	396	X		
20	Đường giao thông từ ngã ba Làng Vùa 2 đi Làng Vùa 1, xã Tủa Thàng		2018	2019	UBND xã Tủa Thàng	2.364	2.319	X		
21	Nhà Văn Hóa thôn Phi Giảng 2, xã Tủa Thàng		2018	2019	UBND xã Tủa Thàng	600	583	X		
22	Nhà văn hóa thôn Tủa Thàng		2018	2019	UBND xã Tủa Thàng	600	584	X		
23	Bê tông hoá đường nội thôn thôn 2 từ nhà ông Dánh đến nhà ông Lý A Bình, xã Huổi Sớ		2018	2019	UBND xã Huổi Sớ	600	567	X		
24	Nhà Văn hóa thôn Tù Cha, xã Huổi Sớ		2018	2019	UBND xã Huổi Sớ	600	560	X		
25	Nhà văn hóa thôn Huổi Ca, xã Huổi Sớ		2018	2019	UBND xã Huổi Sớ	600	560	X		
26	Đường ngõ xóm từ nhà ông Công đến nhà ông Cờ, xã Huổi Sớ		2018	2019	UBND xã Huổi Sớ	2.000	1.886	X		
27	Nhà văn hoá thôn Háng Khúa, xã Sín Chải		2018	2019	UBND xã Sín Chải	600	572	X		
28	Nhà Văn hóa thôn Trung Gầu Bua, xã Sín Chải		2018	2019	UBND xã Sín Chải	600	572	X		
29	Đường Khó Trờ Tông đến Ngã ba nhà ông Giảng A Thanh thôn Sín Chải, xã Sín Chải		2018	2019	UBND xã Sín Chải	2.000	1.902	X		

30	Đường nội thôn Chê Cu Nhe, xã Sín Chải		2018	2019	UBND xã Sín Chải	1.000	931	X		
31	Đường trục thôn từ thôn Tà Chỉnh đến thôn Háng Súa, xã Tà Sín Thàng		2018	2019	UBND xã Tà Sín Thàng	1.585	1.559	X		
32	Đường nội thôn Khó Sầu đến Háng Sung 2, xã Tà Phìn		2018	2019	UBND xã Tà Phìn	1.090	1.017	X		
33	Đường giao thông Háng Tàu - Phiêng Páng, xã Sính Phình		2019	2020	UBND xã Sính Phình	2.000	1.900	X		
34	Đường giao thông nội thôn thôn Háng Pàng, xã Huổi Sớ		2019	2020	UBND xã Huổi Sớ	1.400	1.400	X		
35	Đường giao thông (thôn Háng Sung 2) xuống cánh đồng Chiêu Tính, xã Tà Phìn		2019	2020	UBND xã Tà Phìn	1.290	1.290	X		
36	Tuyến đường từ ngã 3 Páo Tinh Làng 2 đi Páo Tinh Làng 1, xã Tà Sín Thàng		2019	2020	UBND xã Tà Sín Thàng	900	891	X		
37	Tuyến đường Tà Dung đi Chiêu Tính, xã Tà Phìn		2019	2020	UBND xã Tà Phìn	600	594	X		
38	Tuyến đường từ ngã 3 Sính Phình đi thôn Dê Giàng, xã Sính Phình		2019	2020	UBND xã Sính Phình	7.161	7.091	X		

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TRONG NƯỚC
(kèm theo Báo cáo số 221 /BC-UBND ngày 16/7 /2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán phân bổ	Thực hiện giải ngân	Tỷ lệ (%) TH/DT	Ghi chú
1	Ban Quản lý dự án các công trình	13.500	-	0%	
-	Trường Mầm non thị trấn Tủa Chùa (giai đoạn 2)	3.000			
-	Nâng cấp tuyến đường Tả Huổi Tráng - Đê Chu, xã Tủa Thành, huyện Tủa Chùa	10.000			
-	Khu xử lý chất thải rắn xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	200			
-	Sân vận động thị trấn Tủa Chùa	300			
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.000	-	0%	
	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tủa Chùa	1.000			
3	UBND xã Huổi Sớ	308	-	0%	
-	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Huổi Sớ	268			
-	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	40			
4	UBND xã Mường Báng	365	305	84%	
-	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Mường Báng	245	245	100%	
-	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	120	60	50%	
5	UBND Thị trấn	420	420	100%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	420	420	100%	
6	UBND xã Xá Nhè	200	-	0%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	200			
7	UBND xã Mường Đun	40	-	0%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	40			
8	UBND xã Tủa Thành	80	-	0%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	80			
9	UBND xã Lao Xã Phình	20	-	0%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	20			
10	UBND xã Tả Phìn	100	-	0%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	100			
11	UBND xã Sính Phình	520	300	58%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	520	300	58%	
12	UBND xã Trung Thu	20	10	50%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	20	10	50%	
13	UBND xã Sín Chải	80	-	0%	
	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	80			
	TỔNG CỘNG	16.653	1.035	6%	